

Số: 2252/QĐ-HĐXTVC

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nội dung, danh mục tài liệu ôn tập Vòng 2
kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị trực thuộc
Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022**

HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật số 52/2019/QH14 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1801/QĐ-SNN ngày 01/11/2022 của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và Kế hoạch tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1856/QĐ-SNN ngày 08/11/2022 của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1879/QĐ-SNN ngày 10/11/2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức về việc phê duyệt mã nhóm môn nghiệp vụ chuyên ngành tại Vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1880/QĐ-HĐXT ngày 10/11/2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức về việc thành lập Tổ xây dựng nội dung ôn tập giúp việc Hội đồng xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung, danh mục tài liệu ôn tập Vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022;

- Nội dung, danh mục tài liệu (Bao gồm 09 mã nhóm chuyên ngành từ Phụ lục số I đến Phụ lục số IX kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Giao Phòng Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thông báo nội dung, danh mục tài liệu ôn tập Vòng 2 theo đúng quy định.

Điều 3. Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022; Các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Se*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Nội vụ HN;
- Ban Giám đốc Sở;
- Ban Giám sát;
- Chi cục Trồng trọt và BVTV;
- Trung tâm Bảo vệ môi trường trong SXNN và Xây dựng nông thôn mới;
- Trung tâm Cứu hộ động vật hoang dã;
- Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp;
- Ban Quản lý và Duy tu các công trình NN,NT;
- Ban Quản lý rừng Phòng hộ - Đặc dụng;
- Cổng TTĐT: sonnptnt.hanoi.gov.vn;
- Lưu: VT, TCCB. *Se*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH**



**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ NN& PTNT
Nguyễn Mạnh Phương**

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH TRỒNG TRỌT 1 (MÃ NHÓM TTr1)
TẠI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2257 QĐ-HĐXTVC ngày 28 /11 /2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)

1. Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013: Từ Điều 3 đến Điều 6, từ Điều 8 đến Điều 49, Điều 61, Điều 63, Điều 64, Điều 65, Điều 66, từ Điều 68 đến Điều 72.
2. Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018: Điều 2, Điều 13, Điều 15, Điều 16, Điều 22, Điều 25, Điều 35, Điều 42, Điều 51, Điều 56, Điều 62, Điều 64, Điều 66.
3. Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007: Điều 2, Điều 3, Điều 5.
4. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010: Điều 3.
5. Luật Sở hữu trí tuệ: Từ Điều 157 đến Điều 197.
6. Nghị định 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và Kiểm dịch thực vật: Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7.
7. Nghị định 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp: Điều 1.
8. Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác: Điều 8, Điều 10, Điều 13.
9. Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón: Điều 2, Điều 3, từ điều 12 đến Điều 25.
10. Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ: Điều 3, Điều 5, Điều 17.
11. Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm: Điều 11, Điều 12.
12. Nghị định 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật: Điều 26.
13. Nghị định 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y: Điều 1.

14. Nghị định 55/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón: Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 11.

15. Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính: Điều 3, Điều 6, Điều 11, Điều 20, Điều 22, Điều 23, Điều 27, Điều 31, Điều 39.

16. Thông tư số 17/2019/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Ban hành Danh mục loài cây trồng chính: Điều 1.

17. Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Điều 17.

18. Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ NN và PTNT: Điều 2, Điều 4.

19. Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật: Điều 35, Điều 36, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 60, Điều 61, Điều 62, Điều 68, Điều 74.

20. Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Thông tư quy định về Kiểm dịch thực vật nội địa: Từ Điều 4 đến Điều 13, Điều 16, Điều 17.

21. Thông tư liên tịch 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường Hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng: Điều 3, Điều 7, Điều 8.

22. Thông tư số 30/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam: Điều 1, Điều 2, Điều 3.

23. Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội: Điều 1.

24. Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11041-2:2017 NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ - PHẦN 2: TRỒNG TRỌT HỮU CƠ: Mục 1, Mục 2, Mục 3, Mục 4, Mục 5.

25. QCVN 01-38:2010/BNNPTNT về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng: Mục I, Mục II, Mục III, Mục IV.

26. Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 774:2020/BVTV Quy trình thiết lập và giám sát mã số vùng trồng: Mục 4, Mục 5, Mục 6, Mục 7, Mục 8.

27. Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 775:2020/BVTV Quy trình thiết lập và giám sát cơ sở đóng gói: Mục 4, Mục 5, Mục 6, Mục 7, Mục 8.

28. Tài liệu hướng dẫn tạm thời về Cấp, quản lý Mã số vùng trồng ban hành kèm theo Quyết định 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ NN và PTNT: Mục 1, Mục 2, Mục 3, Mục 4, Mục 5.

29. QCVN 01 - 166 : 2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại lúa: Mục II.

30. QCVN 01 - 167 : 2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây ngô: Mục 2.7.1

31. QCVN 01 - 168 : 2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây lạc, đậu tương: Mục 2.7.1

32. QCVN 01 - 169 : 2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây rau họ hoa thập tự: Mục 2.7.3

33. QCVN 01 - 140 : 2013/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình điều tra, thu thập, xử lý và bảo quản mẫu bệnh virus hại lúa: Mục II.

34. QCVN 01 - 143 : 2013/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc kích thích sinh trưởng đối với cây lúa: Mục II./.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH TRỒNG TRỌT 2 (MÃ NHÓM TTr2)
TẠI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 252/QĐ-HĐXTVC ngày 28 / 11 / 2022 của
Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)

1. Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013: Từ Điều 3 đến Điều 6, từ Điều 8 đến Điều 49, Điều 61, Điều 63, Điều 64, Điều 65, Điều 66, từ Điều 68 đến Điều 72.
2. Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018: Điều 2, Điều 13, Điều 15, Điều 16, Điều 22, Điều 25, Điều 35, Điều 42, Điều 51, Điều 56, Điều 62, Điều 64, Điều 66.
3. Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007: Điều 2, Điều 3, Điều 5.
4. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010: Điều 3.
5. Nghị định 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và Kiểm dịch thực vật: Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7.
6. Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác: Điều 8, Điều 10, Điều 13.
7. Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón: Điều 2, Điều 3, từ điều 12 đến Điều 25.
8. Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật: Điều 35, Điều 36, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 60, Điều 61, Điều 62, Điều 68, Điều 74.
9. Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về Kiểm dịch thực vật nội địa: Từ Điều 4 đến Điều 13, Điều 16, Điều 17.
10. Thông tư liên tịch 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường Hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng: Điều 3, Điều 7, Điều 8.
11. Thông tư số 30/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam: Điều 1, Điều 2, Điều 3.

12. Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội: Điều 1.

13. Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11041-2:2017 NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ - PHẦN 2: TRỒNG TRỌT HỮU CƠ: Mục 1, Mục 2, Mục 3, Mục 4, Mục 5.

14. QCVN 01-38:2010/BNNPTNT về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng: Mục I, Mục II, Mục III, Mục IV.

15. QCVN 01 - 166 : 2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại lúa: Mục II.

16. QCVN 01 - 167 : 2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây ngô: Mục 2.7.1

17. QCVN 01 - 168 : 2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây lạc, đậu tương: Mục 2.7.1

18. QCVN 01 - 169 : 2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây rau họ hoa thập tự: Mục 2.7.3

19. QCVN 01 - 140 : 2013/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình điều tra, thu thập, xử lý và bảo quản mẫu bệnh virus hại lúa: Mục II.

20. QCVN 01 - 143 : 2013/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các thuốc kích thích sinh trưởng đối với cây lúa: Mục II./.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH CHĂN NUÔI 1 (MÃ NHÓM CN1)
TẠI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2152/QĐ-HĐXTVC ngày 28 /11/2022 của
Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)

1. Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015: Chương II: Điều 15, Điều 18, Điều 25, Điều 30.

2. Luật đa dạng sinh học số 20/2008/QH12: Chương III: Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20.

3. Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ: Chương 2: Điều 4, Điều 5, Điều 6; Chương 3: Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 14.

4. Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước: Chương II: Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9; Chương III: Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 15.

5. Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của UBND TP Hà Nội ban hành quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật trong nuôi dưỡng, cứu hộ động vật hoang dã trên địa bàn thành phố Hà Nội:

Phụ lục số 01 - Quy trình nuôi dưỡng, cứu hộ động vật hoang dã trên địa bàn thành phố Hà Nội: Phần II (từ mục 1 đến mục 8); Phần III (Mục 1,2); Phần IV (Mục 1,2); Phần V (Mục 1,2)/.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH CHĂN NUÔI 2 (MÃ NHÓM CN2)
TẠI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2252/QĐ-HĐXTVC ngày 28 / 11 / 2022 của
Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)

1. Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ: Chương 3: Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 14.

2. Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước: Chương II: Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9; Chương III: Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 15

3. Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật trong nuôi dưỡng, cứu hộ động vật hoang dã trên địa bàn thành phố Hà Nội:

Phụ lục số 01 - Quy trình nuôi dưỡng, cứu hộ động vật hoang dã trên địa bàn thành phố Hà Nội: Phần II (từ mục 1 đến mục 8); Phần III (Mục 1,2); Phần IV (Mục 1,2); Phần V (Mục 1,2)/.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(MÃ NHÓM BVMT) TẠI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Quyết định số 452/QĐ-HĐXTVC ngày 28/11/2022 của
Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)

1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020: Điều số 4, Điều số 56, 58 và 61;
2. Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch: Điều số 9, Điều số 57;
3. Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Liên Bộ: Nông nghiệp & PTNT và Tài nguyên và Môi trường Hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc Bảo vệ thực vật sau sử dụng- trọng tâm: Điều 3, 4, 5, 6, 8.
4. Thông tư số 19/2019/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định việc Thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng- trọng tâm: Điều 3, 4, 5, 6, 8.
5. Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn việc Thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác: Điều 3, 4, 5, 6, 8.
6. Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025, trọng tâm: Mục tiêu và phạm vi, đối tượng và thời gian thực hiện Chương trình.
7. Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 21/4 /2010 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc Xây dựng nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2010- 2020, định hướng 2030: Điều 1.
8. Quyết định số 21/2002/QĐ-BNN ngày 21/3/2002 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc Ban hành tiêu chuẩn ngành về lĩnh vực môi trường. Nội dung trọng tâm:
 - 8.1. 10TCN 492-2002 - Công trình khí sinh học nhỏ. Yêu cầu kỹ thuật chung
 - 8.2. 10 TCN 496 - 2002-Công trình khí sinh học nhỏ- Yêu cầu vận hành và bảo dưỡng
 - 8.3. 10 TCN 497 - 2002- Công trình khí sinh học nhỏ- Yêu cầu về an toàn
9. Quyết định số 3194/QĐ-BNN-CN ngày 11/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành hướng dẫn kỹ thuật lắp đặt, sử dụng công trình Khí sinh học nắp cố định, Công trình khí sinh học bằng vật liệu Composite và Quy trình Kỹ thuật sử dụng chế phẩm sinh học làm đệm lót sinh

học chăn nuôi lợn, gà: Hướng dẫn kỹ thuật kèm theo- trọng tâm Quy trình Kỹ thuật sử dụng chế phẩm sinh học làm đệm lót sinh học chăn nuôi lợn, gà.

10. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật công trình thoát nước- QCVN 07-2:2016/BXD: trọng tâm: Mục 1.5; Mục 2.3; 2.4.

11. Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7222: 2002- Yêu cầu chung về môi trường đối với các Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung: trọng tâm Mục 4, 5.

12. Quyết định số 2607/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn và bộ phận giúp việc Văn phòng Điều phối nông thôn mới Thành phố- Điều 1, 2, 3.

13. Quyết định số 1382/QĐ-SNN ngày 29/7/2020 của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội- Điều 3 đến điều 7./.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP
(MÃ NHÓM HCTH) TẠI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2152/QĐ-HĐXTVC ngày 28 / 11/2022 của
Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)

1. Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010: Chương I, Chương II.
2. Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước, Luật số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018: Điều 3, Điều 5.
3. Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.
4. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập: Chương I: Điều 1, 2 và 3; Chương II: Điều 5, Điều 6: Khoản 3.
5. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 02/12/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức: Chương I, Chương II: Điều 4, 5, 6, 21, 23, 24, 25. Chương III: Điều 28.
6. Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ về Quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức: Chương I, Chương II: Mục 1, Mục 3; Chương III: Mục 2, Mục 4.
7. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư: Chương I: Từ Điều 2 - Điều 6; Chương II: Mục 1: Từ Điều 7- Điều 9; Chương III, IV, V.
8. Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ về Quy định quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư, các chức năng cơ bản của hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong quá trình xử lý công việc của các cơ quan, tổ chức: Chương II, Chương III.
9. Quyết định số 4210/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành chỉ số cải cách hành chính của các Sở, cơ quan tương đương Sở và các UBND các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.
10. Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội; Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND thành phố Hà Nội./.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN (MÃ NHÓM KT)
TẠI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2252/QĐ-HĐXTVC ngày 28/11/2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)

1. Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 26/6/2015: Điều 1, Điều 2 (khoản 1,2,3,4), Điều 4, 8, 12, 13, 14, 15, 18, 32, 34, 41, 45, 49, 50, 53, 56, 61, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 71, 74, 76.
2. Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015: Từ Điều 1 đến Điều 7; Từ Điều 10 đến Điều 27, Điều 29, 31, 32, 34, 35, 39, 40, 41, 42, 49, 51, 52, 72.
3. Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017: Điều 1, 2, Điều 3 (khoản 1,3,4,6,7,8,9,12), Điều 6, 7, 10, 11, 12, 20, 21, 22, 23, 24, 28, 31, 33, 34, 36, 39, 40, 45, 50, 54, 55, 61, 133.
4. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước: Điều 1, 2, 3, 15, 16, 23, 29, 31, 34, 38, 39, 41, 42, 43, 44, 46, 48, 49, 50, 51, 53, 54.
5. Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công: Điều 3, 5, 7, 8, 17, 20, 22, 24, Điều 25 (khoản 1,2,3), 26, 27, 28, 30, 31, 32, 34, 36, 37, 38, 39. Từ Điều 42 đến Điều 53; Điều 55, 67, 70, 71, 74, 78, 79, 80, 81, 121, 122, 123, 130.
6. Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác: Chương I: Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 8, Điều 9, Điều 10; Chương II: Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 25; Chương IV: Điều 32, Điều 33, Điều 34; Chương V: Điều 35, Điều 37, Điều 38.
7. Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập: Chương I: Điều 2; Chương II: Điều 4, Điều 8, Điều 9; Chương III: Điều 10, Điều 11; Chương IV: Điều 12, Điều 13, Điều 14; Chương VI: Điều 18, Điều 19; Chương VII: Điều 20, Điều 21./.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH LÂM NGHIỆP (MÃ NHÓM LN)
TẠI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2252/QĐ-HĐXTVC ngày 28/11/2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)

1. Luật lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017: Điều 2, 5, 6, 8, 9, 26, 27, 45, 46, 47; Điều 51 đến Điều 57; Điều 63; Điều 73 đến Điều 76.
2. Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp: Điều 3, 6, 7, 8, 11, 16; Điều 19 đến Điều 25; Điều 35 đến Điều 38.
3. Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và công ty TNHH một thành viên nông, lâm nghiệp nhà nước: Điều 2, 3, 5, 6, 8, 9.
4. Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng: Điều 2 và Chương III.
5. Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về Quản lý rừng bền vững: Điều 5, 6, 11, 19.
6. Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh: Chương I; Mục 3 Chương II.
7. Thông tư 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định danh mục loài cây trồng Lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính: Chương I; Phụ lục 1.
8. Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về phân định ranh giới rừng: Điều 2 đến Điều 8; Điều 12, 13, 16.
9. Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng: Điều 3, 8, 11, 13; Điều 27 đến Điều 31; Điều 34 đến Điều 37.
10. Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh: Điều 10, 11, 15, 16, 20; Phụ lục II.
11. Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về phòng cháy và chữa cháy rừng: Điều 3 đến Điều 14; Phụ lục I.
12. Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng: Điều 3 và Chương III.

13. Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc tổ chức lại BQL rừng Phòng hộ - Đặc dụng Hà Nội trên cơ sở sáp nhập Ban quản lý rừng phòng hộ - đặc dụng Sóc Sơn vào BQL rừng Phòng hộ - Đặc dụng Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội: Điều 1.

14. Quyết định số 3097/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý rừng Phòng hộ - Đặc dụng Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội: Điều 1, 2, 3./.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT VÀ DỊCH VỤ THỦY LỢI
(MÃ NHÓM TL) TẠI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 252/QĐ-HĐXTVC ngày 28/11/2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)

1. Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.
2. Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.
3. Quyết định số 6486/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt diện tích, biện pháp tưới, tiêu các công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội.
4. Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt danh mục các công trình thủy lợi phân cấp quản lý theo quy định tại Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND thành phố Hà Nội.
5. Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội.
6. Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.
7. Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều.
8. Quy trình vận hành Cụm công trình đầu mối phân lũ sông Đáy (QĐ số 2140/QĐ-UBND ngày 04/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội): Điều 1, Điều 3, Điều 4, Điều 5, từ Điều 9 đến Điều 18, Điều 20, Điều 33, Điều 34, Điều 41, Điều 43.
9. Quyết định số 1821/QĐ-TTg ngày 07/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng lũ và đê điều hệ thống sông Đáy.
10. Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban Quản lý và Duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn Hà Nội trên cơ sở hợp nhất Ban Duy tu các công trình Nông nghiệp và PTNT và Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội./.

